|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**  **KHOA ………………………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU CHẤM ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP CAPSTONE PROJECT**

(Mẫu dùng cho thành viên Hội đồng hướng dẫn đánh giá Báo cáo đầu kỳ cho **nhóm** SV)

1. **Thông tin chung:**

- Họ tên nhóm sinh viên:

1. <..Tên sinh viên 1..>………………… Lớp: ……………….
2. <..Tên sinh viên 2..>………………………… Lớp: ……………….
3. <..Tên sinh viên 3..>………………………… Lớp: ……………….

- Tên đề tài: …………………………………………….……………………………....

..………………………………………………………………………………………

- Hình thức báo cáo: Trực tuyến Trực tiếp

1. **Nhận xét, đánh giá đồ án tốt nghiệp:**

| **Tiêu chí đánh giá**  **(Kết quả học tập/chuẩn đầu ra)** | **Trọng số tiêu chí** | **Điểm tiêu chí** (thang 10, lấy đến 1 số lẻ thập phân) |
| --- | --- | --- |
| 1.1. Điều tra tổng quan: tính cấp thiết của đề tài; điều tra tổng quan các giải pháp hiện có gồm giải pháp kỹ thuật và sản phẩm thương mại liên quan (nếu có) | 20% |  |
| 1.2. Đề xuất giải pháp sơ bộ: giải pháp kỹ thuật với sơ đồ khối, quy trình thiết kế; công cụ, nguyên vật liệu cần để triển khai; | 20% |  |
| 1.3. Dự kiến kết quả đạt được: phương pháp, quy trình, mô hình mẫu, công bố khoa học,... (sau đây gọi chung là sản phẩm) | 20% |  |
| 1.4. Đề xuất phương pháp đánh giá, tiêu chí kiểm thử cho sản phẩm gồm hiệu quả, chi phí, độ phức tạp, độ chính xác, ... | 20% |  |
| 1.5. Kế hoạch thực hiện và phân công việc/người | 20% |  |
| **Tổng điểm đánh giá (theo thang 100)** |  | …/100 |
| **Quy về thang 10 (lấy đến 1 số lẻ thập phân)** |  | …/10 |

* Ý kiến khác: ………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023* |
|  | **Họ tên & chữ ký người chấm** |

***Thang đo mức độ đạt mục tiêu của các tiêu chí***

| **Mục tiêu đánh giá** | **Mức độ đạt** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cần cải thiện (1)** | **Đáp ứng cơ bản (2)** | **Đạt chuẩn yêu cầu (3)** | **Vượt trên chuẩn (4)** |
| **Thang điểm 10** | **4,0 - 5,4** | **5,5 - 6,9** | **7,0 - 8,4** | **8,5 - 10** |
| **Mục tiêu công việc**  (mục tiêu tổng thể) | Mục tiêu công việc không được xác định; Các giải pháp đề xuất chính không hỗ trợ giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất chưa được liền mạch | Mục tiêu công việc được xác định; Các giải pháp đề xuất chính có hỗ trợ vấn đề cần giải quyết; Cấu trúc đề xuất có sự kết nối | Mục tiêu công việc được xác định rõ ràng; Các giải pháp đề xuất chính phù hợp để giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất liên kết mạch lạc | Mục tiêu công việc được xác định rõ ràng; Các giải pháp đề xuất chính phù hợp và có tính hiện đại để giải quyết vấn đề; Cấu trúc đề xuất liên kết mạch lạc ở mức chi tiết. |
| **Mục tiêu về kiến thức**  (mục tiêu kỹ thuật) | Hiểu biết chưa chắc chắn các kiến thức cơ bản; Vận dụng chưa hợp lý các kiến thức cơ bản để giải quyết vấn đề. | Có hiểu biết và vận dụng các kiến thức cơ bản của lĩnh vực liên quan để giải quyết vấn đề. | Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản cùng với các giải pháp kỹ thuật phức tạp để giải quyết vấn đề; Có khả năng phân tích vấn đề, đánh giá kết quả và đưa ra các nhận xét để cải tiến | Nắm vững các kiến thức cơ bản, vận dụng tốt các giải pháp kỹ thuật phức tạp, có đề xuất sáng tạo để giải quyết vấn đề hiệu quả hơn; Có kỹ năng phân tích vấn đề chi tiết, đánh giá và so sánh kết quả; Có đề xuất chi tiết để cải tiến |
| **Mục tiêu về tổ chức, trình bày**  (mục tiêu kỹ năng) | Thông tin không được sắp xếp có cấu trúc. Người đọc khó theo dõi và hiểu những nội dung chính của báo cáo. Cách trình bày rời rạc, cách giải thích không thuyết phục được được người nghe | Thông tin được sắp xếp có cấu trúc. Người đọc có thể theo dõi và hiểu những nội dung chính của báo cáo ở mức độ tối thiểu. Phần trình bày có cấu trúc cơ bản, cách giải thích thuyết phục được người nghe ở mức tối thiểu | Thông tin được sắp xếp có cấu trúc hợp lý. Người đọc hiểu tất cả những nội dung chính của báo cáo. Phần trình bày có cấu trúc hợp lý, cách giải thích thuyết phục được người nghe | Thông tin được sắp xếp có cấu trúc và có sự sáng tạo. Người đọc hiểu rõ những nội dung chính của báo cáo và có khả năng lặp lại các công việc được mô tả trong báo cáo một cách tương đối. Phần trình bày có cấu trúc hợp lý và sinh động giúp thuyết phục người nghe; Phần giải thích hầu hết giải đáp được các thắc mắc của người nghe. |

***Bảng 3.2. Bảng ánh xạ điểm số ứng với mức độ đạt***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xếp loại** | | **Thang điểm 10** | **Thang điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
| Đạt | Vượt trên chuẩn | 8,5 - 10 | A | 4 |
| Đạt chuẩn yêu cầu | 7,0 - 8,4 | B | 3 |
| Đáp ứng cơ bản | 5,5 - 6,9 | C | 2 |
| Cần cải thiện | 4,0 - 5,4 | D | 1 |
| Không đạt | Kém | < 4,0 | F | 0 |